

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 10
3. Báo cáo kiểm toán	11
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	12 - 15
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	19 - 59
8. Phụ lục	60 - 66

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Gemadept và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	1.094.473.090.000 VND
Số cổ phiếu:	109.447.309 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu

Trong kỳ Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động cho các năm 2010, 2011 và 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HDCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HDCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Gemadept đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 49.743.600.000 VND tương đương với 4.974.360 cổ phiếu. Hiện Công ty cổ phần Gemadept vẫn đang tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Gemadept đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	: (84-8) 38 236 236
Fax	: (84-8) 38 235 236
E-mail	: info@gemadept.com.vn
Mã số thuế	: 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chameam, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu GermaLink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không....
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn - Lào.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 - Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan; Thực hiện dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao thông nhận hàng hóa bằng đường biển và hàng không; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, đường bộ; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng - công nghiệp và công trình giao thông đường bộ; Dịch vụ lai dắt, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kê khai hải quan.	78,60 %	78,60 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, đại lý vận tải; Mua, bán, cho thuê tàu, container, máy móc, thiết bị hàng hải; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	Đại lý hàng hải, tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Malaysia; Huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	Đại lý hàng hải, khai thác tàu; Tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Singapore; Huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Grand Pacific	120 Lower Delta Road,	Cho thuê tàu và dịch vụ giao nhận, vận	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Shipping Pte. Ltd.	#11-01/04 Cendex Centre, Singapore.	chuyên.		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhon Hoi.	Số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; Khai thác vận tải đa phương thức; Đại lý và môi giới hàng hải, hàng không; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	53,20 %	53,20 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh vận tải đa phương thức, khai thác bến bãi thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải, giao nhận; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Mua bán cho thuê tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải; Đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng, bến bãi; Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy biển.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển bao gồm: thu xếp nơi neo đậu cho các tàu cập cảng tại Việt Nam; Dịch vụ thông quan cho các tàu ra vào cảng; Cung cấp dịch vụ đại lý cho vận tải đường biển bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển hoặc hợp đồng vận chuyển đa phương thức; khai thuê hải quan; Chuẩn bị tài liệu liên quan đến chứng từ vận tải (doanh nghiệp không trực tiếp tham gia vận tải hàng hóa và thực hiện các hoạt động thương mại).	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sông Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Xây dựng hệ thống kho logistics và kho lạnh theo tiêu chuẩn châu Âu nhằm cung cấp các dịch vụ giao nhận, phân phối, lưu giữ, bảo quản, đóng gói hàng lạnh và hàng bách hóa.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ giao nhận và bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển và đại lý tàu biển; Dịch vụ xếp dỡ container; Dịch vụ thông quan; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển - Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng bến cảng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà	Làm cảng cạn (ICD), hệ thống kho bãi, kho trung chuyển container, kho hàng lẻ (CFS), đầu mối trung chuyển và hàng chuyển phát nhanh.	51,00 %	51,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Rja-Vùng Tàu, Việt Nam. Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, khu công nghiệp, dân cư, cầu cảng, bến bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, hàng không, đóng mới sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, biển.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường sông - đường biển - hàng không; Mua bán, cho thuê tàu container - máy móc - thiết bị hàng hải.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trương Thọ	Khu phố 7, phường Trương Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ; Gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bến cảng, nhà các loại, Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng bến bãi, công trình công nghiệp; Vận tải hàng hóa; Kho bãi, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi); Bốc xếp hàng hóa.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy, vận tải và bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ thông quan; Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa; Các dịch vụ khác bao gồm kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, dịch vụ nhận và chấp nhận	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
		hàng, dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải – thực hiện thay mặt chủ hàng.		
Công ty TNHH Dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Lập trình máy tính, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Trồng cây cao su; Sản xuất gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn phế thải, phế liệu, thuốc trừ sâu, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Bld., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	Trồng rừng và khai thác rừng, cây công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác (ngoại trừ những ngành liên quan đến tài chính).	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Bld., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	Trồng rừng và khai thác rừng, cây công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác (ngoại trừ những ngành liên quan đến tài chính).	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Hoạt động vận tải và dịch vụ bốc xếp, kho bãi và dịch vụ khác.	54,66%	54,66%
Công ty liên kết, liên doanh				
<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh nhà ở; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, văn phòng phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ súng, đạn thể thao); Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô và đường thủy theo hợp đồng.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -	Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên liệu phi nông nghiệp; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán	26,78%	26,78%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
	Vùng Tàu, Việt Nam.	xe có động cơ (cũ và mới); Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Mua bán đồ uống; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống; Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan; Dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan; Sửa chữa và sửa chữa tàu thuyền; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.		
Công ty TNHH Molenbernatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Dịch vụ cho thuê kho cho các nhà xuất khẩu cà phê và hàng nông sản Việt Nam dưới hình thức kho “bảo đảm thanh toán”.	49,00 %	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, kinh doanh vũ trường, phòng hát karaoke, bãi biển, dịch vụ xông hơi, xoa bóp; Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh lữ hành, nội địa, quốc tế.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa; Vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; Gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh cơ sở hạ tầng; Kinh doanh bất động sản, nhà ở; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Bán buôn mây mộc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Dịch vụ khai thuê hải quan.	38,03%	38,03%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	Dịch vụ kho bãi; Dịch vụ kho bãi container; Dịch vụ thông quan; Thực hiện quyền phân phối bán buôn, bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng may mặc, giày da, điện tử.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Đại lý kinh doanh xăng dầu; Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa; Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; Sản xuất, may, thuê trang phục, quần áo; Đầu tư, kinh doanh, cho thuê văn phòng, trung tâm dịch vụ thương mại, nhà ở; Kinh doanh dịch vụ lưu trữ; Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần	Số 267 đường Quang	Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu,	26,56%	26,56%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
liên hiệp thực phẩm	Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	bánh, mứt các loại; Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ nông sản; Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị; Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.		
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	Xây dựng trung tâm thương mại; Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và khách sạn 5 sao.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng, trang bị và vận hành một cảng container trên sông Cái Mép - Thị Vải.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ đại lý vận tải biển, giao nhận hàng hóa, môi giới hàng hải, cho thuê kho bãi, cung cấp dịch vụ quản lý kho.	49,00%	49,00%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty cổ phần Gemadept đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCĐ2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCĐ2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergmatie Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Công ty cổ phần Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 12 đến trang 66).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Gemadept đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2013 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (05% lợi nhuận sau thuế)	5.187.493.887 VND
- Trích Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	3.112.496.332 VND
- Chia cổ tức (1.000 VND/cổ phiếu)	109.447.309.000 VND
Cộng	128.122.286.993 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Gemadept trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tĩnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Gemadept đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-1 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0764/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẠN CHUYỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyển (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách công ty con được trình bày ở thuyết minh 1.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2013, từ trang 12 đến trang 66 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vạn chuyển. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C**

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1161-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.562.136.302.249	2.512.342.753.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	679.402.208.245	545.259.172.382
1. Tiền	111		593.425.520.839	485.701.303.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.976.687.406	59.557.869.062
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		572.504.047.784	542.534.945.816
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	687.244.702.667	640.308.091.599
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(114.740.654.883)	(97.773.145.783)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.016.021.803.480	1.174.144.666.762
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	346.121.402.472	295.671.234.058
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	224.144.594.196	192.253.054.533
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	459.279.348.105	702.341.435.380
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đo	139	V.7	(13.523.541.293)	(16.121.057.208)
IV. Hàng tồn kho	140		117.164.077.027	87.640.775.548
1. Hàng tồn kho	141	V.8	117.164.077.027	87.640.775.548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		177.044.165.713	162.763.192.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	32.387.162.485	18.668.417.509
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.556.982.805	13.736.445.093
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	24.108.161.856	15.797.179.286
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	101.991.858.566	114.560.850.659

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.972.076.500.017	4.310.059.898.025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.800.000.000	81.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	85.800.000.000	81.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.683.520.159.626	1.976.998.421.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	1.584.282.181.554	1.745.499.033.254
Nguyên giá	222		2.746.214.741.521	2.833.228.491.625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.161.932.559.967)	(1.087.729.458.371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	249.202.753.664	88.531.898.139
Nguyên giá	228		259.310.940.470	96.688.661.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.108.186.806)	(8.154.763.111)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	850.035.224.408	142.967.490.051
III. Bất động sản đầu tư	240	V.16	221.363.977.711	227.310.035.803
Nguyên giá	241		279.448.439.795	279.448.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(58.084.462.084)	(52.138.403.992)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.529.916.051.377	1.646.655.521.937
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	1.295.946.556.475	1.402.796.608.559
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	286.621.943.094	297.811.943.094
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(52.652.448.191)	(53.953.029.717)
V. Tài sản dài hạn khác	260		207.712.840.601	117.635.872.530
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	195.113.557.805	106.231.656.042
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	3.717.351.366	3.941.692.861
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	8.881.931.430	7.462.523.627
VI. Lợi thế thương mại	269	V.23	243.763.470.702	260.460.046.312
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.534.212.802.265	6.822.402.651.081

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.653.062.268.184	2.190.903.332.430
I. Nợ ngắn hạn	310		1.309.067.116.357	1.098.964.794.402
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	531.149.904.598	491.784.589.720
2. Phải trả người bán	312	V.25	434.215.062.114	255.834.078.052
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	11.075.869.834	19.508.885.738
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	16.186.849.061	14.687.305.383
5. Phải trả người lao động	315	V.28	22.574.581.361	26.025.619.626
6. Chi phí phải trả	316	V.29	81.777.052.014	60.477.730.885
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	202.265.633.013	218.017.279.777
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	1.574.934.213	1.574.934.213
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	8.247.230.118	11.054.371.008
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.343.995.151.827	1.091.938.538.028
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.33	19.759.191.578	21.145.684.163
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.34	1.016.049.789.220	759.629.038.217
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.35	26.711.996.794	29.557.646.064
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	281.474.174.235	281.606.169.584
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.464.648.979.706	4.393.531.507.651
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.464.648.979.706	4.393.531.507.651
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.37	1.144.216.690.000	1.094.473.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.37	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.37	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.37	32.922.185.623	22.725.336.908
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.37	4.511.710.558	4.511.710.559
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.37	34.616.898.799	29.429.404.912
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.37	36.071.748.512	32.384.254.625
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	669.037.495.911	666.735.460.345
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.38	416.501.554.376	237.967.811.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.534.212.802.265	6.822.402.651.081

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		6.220.913,59	3.282.293,07
Euro (EUR)		2.794,85	3.409,75
Dollar Singapore (SGD)		71.664,38	356.227,01
Ringgit (MYR)		194.835,06	224.838,16
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP: Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Đơn vị tính: VND)


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.175.606.951.599	1.287.081.346.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	949.306.974	1.391.758.198
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.174.657.644.625	1.285.689.588.713
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	987.098.447.174	1.075.943.406.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		187.559.197.451	209.746.182.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	181.335.552.289	64.800.614.181
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	101.662.243.776	102.788.181.206
Trong đó: chi phí lãi vay	23		59.925.028.941	78.487.887.826
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.171.106.863	8.444.867.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	109.983.236.634	127.982.693.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		146.078.162.466	35.331.054.073
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.533.445.122	130.692.923.780
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.901.979.113	112.510.434.198
13. Lợi nhuận khác	40		7.631.466.009	18.182.489.582
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(796.649.547)	13.318.496.597
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		152.912.978.928	66.832.040.252
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.573.769.063	27.871.764.639
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.923.393.473)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>145.262.603.338</u>	<u>38.960.275.613</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6.330.355.130	5.861.699.119
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		138.932.248.209	33.098.576.494
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.240</u>	<u>302</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		152.912.978.928	66.832.040.252
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		122.051.786.244	119.947.922.873
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 19	13.069.411.659	(63.914.231.216)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	22.343.692.081	(12.094.697.064)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	(182.358.119.850)	(68.338.076.929)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	39.925.028.941	78.487.887.826
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		187.944.778.003	120.920.855.742
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(536.044.809.438)	322.060.464.847
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.898.792.571)	9.030.540.546
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		876.404.981.759	(186.424.694.498)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(95.261.787.056)	3.149.143.490
- Tiền lãi vay đã trả	13		(49.485.808.816)	(81.661.668.026)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.510.952.799)	(11.061.723.429)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		96.516.246.104	82.713.670.514
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(45.197.602.008)	(84.332.151.074)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		394.466.253.179	174.394.438.112
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(434.597.664.720)	(174.323.150.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.287.520.756	112.290.922.085
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(96.176.550.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	196.924.088.945
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(175.760.517.500)	(29.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		206.472.025.396	11.440.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.666.293.871	67.902.712.465
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(466.108.892.197)	175.484.573.339

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		49.743.600.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.743.651.754)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24, 34	605.081.658.995	553.027.577.454
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24	(437.512.809.879)	(809.147.581.498)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.536.377.220)	(68.159.906.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		205.032.420.142	(324.279.910.049)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		133.389.781.125	25.599.101.403
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	545.259.172.382	516.375.213.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		753.254.738	(1.273.828.742)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	679.402.208.245	540.700.485.756

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh 1.5) (gọi chung là Tập đoàn).

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.
- Ngành nghề kinh doanh**
Tập đoàn kiến định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn - Lào.

4. **Tổng số các công ty con** : 24

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 24

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	78,60 %	78,60 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Nº.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00 %	100,00 %
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01/04 Cendex Centre, Singapore.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53,20 %	53,20 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sông Thân 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển - Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00 %	70,00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00 %	51,00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00 %	50,00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00 %	100,00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trương Thọ ¹⁷⁾	Khu phố 7, phường Trương Thọ, quận Thu Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00 %	54,00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98 %	99,98 %
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sàng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học VI Tin	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Bld., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint-Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Bld., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	54,66%	54,66%

⁽¹⁾ Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbernatie - Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Dạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,03%	38,03%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyện, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25,00%	25,00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Golden Globe	Bán Sibunhuang, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	50,00%	50,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Điều này làm cho tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 50%. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Tập đoàn có 1.552 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.618 nhân viên).

9. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty cổ phần Gemadept đã tăng vốn điều lệ từ 1.094.473.090.000 VND lên 1.144.216.690.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Sinokor Việt Nam cho đối tác Sinokor Hàn Quốc và chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergmatic - Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Công ty cổ phần Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Sở dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

ĐẠI
CÔNG TY
HỮU
HỮU
VÀ TỬ
C

PHỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trung kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trong yếu tố với giá trị hợp lý của chúng.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không qua 3 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, để đăng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 29
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	08 - 09

11. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 06 năm.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, chi phí dự án trồng cao su tại Cambodia, chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Quyền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vô xe, ...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ từ 02 - 05 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

19. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

21. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

22. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Bổ sung vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của HĐQT

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn hàng năm.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

25. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sẽ khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ kế toán. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 ; 20.828 VND/USD
16.866 VND/SGD
6.846 VND/RM
30/6/2013 ; 21.124 VND/USD
16.573 VND/SGD
6.611 VND/RM

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.11.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

27. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

28. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng to được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

29. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

30. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

31. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

32. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trọng kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	21.604.460.880	23.966.803.458
Tiền gửi ngân hàng	568.305.606.432	459.710.259.682
Tiền đang chuyển	3.515.453.527	2.024.240.180
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	85.976.687.406	59.557.869.062
Cộng	<u>679.402.208.245</u>	<u>545.259.172.382</u>

⁽¹⁾ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn là 400.000.000 VND được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.24).

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	164.674.867.330	157.471.867.330
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽¹⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thu Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	19.800.000.000
- Các công ty khác	18.413.209.330	11.210.209.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh số V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	40.169.835.337	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	2.369.835.337	436.224.269
- Các khoản cho vay	37.800.000.000	-
Cộng	<u>687.244.702.667</u>	<u>640.308.091.599</u>

⁽¹⁾ Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang bị phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(97.773.145.783)	(194.685.599.526)
Trích lập dự phòng bổ sung	(16.967.509.100)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	88.374.366.755
Số cuối kỳ	(114.740.654.883)	(106.311.232.771)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	144.104.025.789	119.955.355.978
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	12.366.321.169	4.675.662.369
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	2.218.783.820	3.329.682.174
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	5.260.966.266	15.379.801.812
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	47.476.729.898	55.211.865.883
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	872.762.452	1.374.438.107
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	88.252.172.650	52.953.375.811
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	4.591.369.791	4.591.369.791
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	15.519.513.630	17.576.991.984
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	116.779.640	287.863.490
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	24.666.540.028	19.831.165.766
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	190.616.790	59.298.971
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	472.820.549	438.361.922
Tại Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	12.000.000	6.000.000
Cộng	346.121.402.472	295.671.234.058

Các khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.24).

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	55.685.198.785	49.193.243.351
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	117.000.000	88.880.000
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	44.000.000	22.000.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	26.832.834.938	34.847.122.505
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	112.846.146	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	41.776.480.752	47.908.664.568
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	4.080.831.567	5.746.902.536
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	865.727.568	884.772.068
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	53.041.974.265	49.971.859.181
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.453.877.919	1.274.662.748
Tại Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	19.632.983.584	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	18.185.891.096	-
Cộng	<u>224.144.594.196</u>	<u>192.253.054.533</u>
6. Các khoản phải thu khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	30.793.161.532	23.886.465.832
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	17.920.810.154	47.370.831.430
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương	-	275.501.968.131
Pacific Pride Co., Ltd.	279.128.573.771	194.630.578.480
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	72.600.000.000	69.100.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.192.473.578	3.278.035.596
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	320.000.001	3.625.808.944
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải thu khác	16.324.329.069	46.747.747.057
Cộng	<u>459.279.348.105</u>	<u>702.341.435.380</u>
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 6 tháng đến dưới 01 năm	(201.559.285)	(201.559.285)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 01 năm đến dưới 02 năm	(103.175.000)	(2.700.690.915)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 02 năm đến dưới 03 năm	(1.209.656.163)	(1.209.656.163)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(817.497.045)	(817.497.045)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(11.191.653.800)	(11.191.653.800)
Cộng	<u>(13.523.541.293)</u>	<u>(16.121.057.208)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(16.121.057.208)	(5.619.702.248)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(11.651.619.899)
Hoàn nhập dự phòng	2.597.515.915	-
Số cuối kỳ	(13.523.541.293)	(17.271.322.147)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	522.548.636
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	38.204.282.406	5.956.847.436
Nhiên liệu tồn trên tàu	25.334.969.735	20.236.385.857
Công cụ dụng cụ	162.992.784	84.561.680
Phụ tùng thay thế	12.324.250.895	15.440.830.479
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.970.093.962	45.001.819.260
Hàng hóa	167.487.245	397.782.200
Cộng	117.164.077.027	87.640.775.548

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	14.546.867.495	8.766.409.547
Công cụ, dụng cụ	3.856.899.705	5.057.844.243
Chi phí bảo hiểm	1.573.203.757	1.680.544.918
Chi phí thuê kho bãi	9.286.017.394	-
Các chi phí khác	3.124.174.134	3.163.618.801
Cộng	32.387.162.485	18.668.417.509

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa	11.935.559.860	4.145.878.899
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	11.128.806.648	10.883.373.072
- Tại Công ty cổ phần Gemadept	823.342.951	605.579.432
- Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	312.855.445	306.719.195
- Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	82.656.352	41.015.268
- Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	31.375.088	51.482.365
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	9.878.576.812	9.878.576.812
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	332.860.917	395.466.884
- Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	18.933.411	-
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	297.285.990	395.466.884
- Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hai Đình Vũ	16.641.516	-
Các loại thuế khác	710.934.431	372.760.431
Cộng	24.108.161.856	15.797.479.286

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	86.974.425.687	40.810.955.907
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	15.016.863.629	73.741.295.934
Tài sản thiếu chờ xử lý	569.250	8.598.818
Cộng	101.991.858.566	114.560.850.659

12. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương - tiền cho mượn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Hàng Hải Ngân Hà - tiền cho mượn	45.800.000.000	41.000.000.000
Cộng	85.800.000.000	81.000.000.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được thảo dờ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Tập đoàn đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm thảo dờ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.388.569.742.073 VND và 966.769.679.162 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.24 và V.34).

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.982.877.205	14.703.784.045	96.686.661.250
Mua trong kỳ	-	35.000.000	35.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	162.531.653.524	73.000.000	162.604.653.524
Giảm khác	-	(15.374.304)	(15.374.304)
Số cuối kỳ	244.514.530.729	14.796.409.741	259.310.940.470

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	418.942.142	418.942.142
---------------------------------------	---	-------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.977.470.504	6.177.292.607	8.154.763.111
Khấu hao trong kỳ	877.099.210	1.077.339.444	1.954.438.654
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	11.734.949	11.734.949
Giảm khác	-	(12.749.908)	(12.749.908)
Số cuối kỳ	2.854.569.714	7.253.617.092	10.108.186.806
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	80.005.406.701	8.526.491.438	88.531.898.139
Số cuối kỳ	241.659.961.015	7.542.792.649	249.202.753.664
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 185.938.208.524 VND và 183.832.489.283 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (xem thuyết minh số V.24 và V.34).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

- ⁽¹⁾ Vốn đầu tư vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội giảm do Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội không tiếp tục đầu tư kinh doanh cảng mà chỉ đầu tư vào kho ngoại quan B. Tổng chi phí đã đầu tư vào dự án đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 3.805.286.681 VND.

Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 307.111.183.602 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của các công ty trong Tập đoàn (xem thuyết minh số V.24).

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803
Khấu hao trong kỳ	-	5.946.058.092	
Số cuối kỳ	279.448.439.795	58.084.462.084	221.363.977.711

Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	42.976.546.785	41.301.505.284
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	14.756.628.471	13.417.956.867
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	46.542.129.500	45,00%	45.251.014.490
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	11.922.425.423	26,78%	11.100.784.459
Công ty MBN-GMD Việt Nam ⁽¹⁾	Dịch vụ cho thuê kho	-	-	34,00%	1.534.080.000
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam ⁽²⁾	Dịch vụ cho thuê kho	49,00%	6.098.031.987	-	-
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo ⁽³⁾	Sản xuất nước khoáng	-	-	29,00%	38.968.368.277
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	17.180.521.258	40,00%	17.546.951.665
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,03%	27.077.755.046	38,03%	28.299.302.338
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49,00%	-	49,00%	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,43%	120.241.933.671	19,00%	71.702.813.908
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	22.065.743.219	25,00%	23.040.570.968
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam ⁽⁴⁾	Dịch vụ vận tải	-	-	49,00%	15.220.622.462
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	44.213.431.832	26,56%	45.669.197.145
Công ty TNHH Golden Globe	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40,00%	44.473.963.136	40,00%	43.478.595.636
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept– Terminal Link ⁽⁵⁾	Dịch vụ khai thác cảng	50,00%	955.101.618.403	50,00%	955.984.307.211
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ ⁽⁶⁾	Khai thác cảng	-	-	35,00%	105.000.000.000
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49,00%	1.029.000.000	-	-
Cộng			1.295.946.556.475		1.402.796.608.559

⁽¹⁾ Công ty TNHH MBN-GMD Việt Nam (Gemadept sở hữu 34% vốn) đã giải thể do hết thời hạn hoạt động. Để duy trì hoạt động sản xuất, các bên đối tác đã thành lập Công ty mới là Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi lưu giữ hàng hóa, trong đó Gemadept nắm giữ 49% vốn điều lệ.

⁽²⁾ Giám đốc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- ⁽¹⁰¹⁾ Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal với tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" với tỷ lệ góp vốn là 50% và khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).
- ⁽¹⁰²⁾ Trong kỳ, Tập đoàn đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ với số tiền là 113.625.450.000 VND do vậy công ty này trở thành công ty con.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức	3.153.009.600	3.153.009.600
- Công ty cơ điện Thủ Đức ⁽¹⁾	-	3.150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	117.887.901.494	125.927.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Dự án cao ốc vận phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	32.500.000.000
- Khu dịch vụ hậu cần Logistics Nhơn Trạch- Đồng Nai	36.000.000.000	36.000.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	31.752.000.000	31.752.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	-	8.040.000.000
- Các công ty khác	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	286.621.943.094	297.811.943.094

- ⁽¹⁾ Cổ phiếu Công ty cơ điện Thủ Đức giảm do chuyển sang đầu tư ngắn hạn.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(46.307.972.560)	(47.990.971.240)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(6.344.475.631)	(5.962.058.477)
Cộng	(52.652.448.191)	(53.953.029.717)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(53.953.029.717)	(37.929.395.809)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(12.808.525.640)
Hoàn nhập dự phòng	1.300.581.526	-
Số cuối kỳ	(52.652.448.191)	(50.737.921.449)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quyền thuê đất ^(*)	93.341.785.884	89.449.614.984	(689.339.492)	-	182.102.061.376
Công cụ, dụng cụ	8.259.914.351	1.890.276.199	(2.110.114.752)	-	8.040.075.797
Chi phí sửa chữa kho, vận phòng	767.776.010	969.109.995	(255.671.687)	-	1.481.214.318
Chi phí trang trí nội thất	1.689.511.025	246.439.800	(461.346.511)	-	1.474.604.314

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí nạo vét bến phao	980.825.302	-	(510.943.577)	-	469.881.725
Phân mềm kế toán	-	121.550.000	(15.193.749)	-	106.356.251
Các chi phí khác	1.191.843.470	444.003.798	(188.258.244)	(8.225.000)	1.439.364.024
Cộng	106.231.656.042	93.120.994.776	(4.230.868.013)	(8.225.000)	195.113.557.805

(1) Quyền thuê đất của Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương tại Cambodia.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.941.692.861	3.739.436.055
Hoãn nhập trong kỳ	(224.341.495)	-
Số cuối kỳ	3.717.351.366	3.739.436.055

22. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	3.327.231.320	3.858.712.599
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	844.960.000	832.360.000
Ký quỹ thuê đất	3.934.978.720	2.002.403.920
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	-	416.180.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	774.761.390	352.867.108
Cộng	8.881.931.430	7.462.523.627

23. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	333.931.512.200
Số cuối kỳ	333.931.512.200
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	73.471.465.888
Phân bổ trong kỳ	16.696.575.610
Số cuối kỳ	90.168.041.498
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	260.460.046.312
Số cuối kỳ	243.763.470.702



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	424.683.255.705	373.696.950.711
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	18.500.000.000	12.466.725.982
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	29.407.098.053	28.866.007.206
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	55.559.550.840	61.219.444.150
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	3.000.000.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	-	12.535.461.671
Cộng	<u>531.149.904.598</u>	<u>491.784.589.720</u>

Chi tiết số phát sinh vay và nợ ngắn hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	491.784.589.720	681.199.861.627
Số phát sinh vay trong kỳ	302.173.434.015	545.868.541.004
Tăng khác	120.853.141.343	-
Số trả nợ vay trong kỳ	(437.512.809.879)	(801.590.536.498)
Kết chuyển từ vay dài hạn sang	50.619.874.859	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.231.674.540	22.788.845.762
Số dư cuối kỳ	<u>531.149.904.598</u>	<u>458.266.711.895</u>

Chi tiết các tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay:

Khoản vay của Công ty mẹ được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu;
- Quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Các tàu Phước Long 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34 và các khoản phải thu khách hàng;

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Gemadept và các công ty con trong Tập đoàn.

25. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	98.630.630.614	87.620.666.863
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	3.859.634.413	1.595.000.352
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	6.099.817.647	3.785.584.698
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	-	4.421.185.776
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	22.601.729.206	19.702.126.667
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	324.474.360	31.984.133
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	76.183.618.274	35.270.499.199
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	963.157.982	690.753.865
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải	20.020.391.131	9.702.631.065

044
ÔNG
NHỆ
ĐOÀN
A 8
T.T

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng		
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	21.870.652.900	16.062.917.693
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	8.394.865.562	3.978.806.463
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	1.324.007.464	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Săng	480.166.254	7.533.656.930
Tại Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	16.000.000	-
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	103.652.383.896	65.438.264.348
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	69.793.532.411	-
Cộng	<u>434.215.062.114</u>	<u>255.834.078.052</u>
26. Người mua trả tiền trước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	5.956.758.768	2.513.433.385
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	1.250.727	-
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	3.050.688.928	2.913.618.132
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	157.355.343	12.908.077.176
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	439.336.856	71.380.769
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	1.416.935.788	1.049.534.000
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	52.632.128	51.961.304
Tại Công ty TNHH một thành viên logistic Biển Săng	911.296	880.972
Cộng	<u>11.075.869.834</u>	<u>19.508.885.738</u>
27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.514.233.553	3.634.673.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.607.389.566	6.361.775.923
Thuế thu nhập cá nhân	889.206.079	1.672.958.716
Các loại thuế khác	3.176.019.863	3.017.896.759
Cộng	<u>16.186.849.061</u>	<u>14.687.305.383</u>
28. Phải trả người lao động		
Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

29. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	21.024.206.213	10.584.986.087
Chi phí cho dự án trồng cao su	36.313.191.076	31.362.760.743
Chi phí luân chuyển hàng hoá	4.863.081.164	3.062.337.052
Chi phí hoa hồng	1.096.231.311	692.952.472
Chi phí khác	18.480.342.250	14.774.694.531
Cộng	81.777.052.014	60.477.730.885

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.951.045.851	4.449.154.994
Cổ tức phải trả	109.804.313.107	2.533.507.605
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.634.671.784	4.653.278.481
Doanh thu chưa thực hiện	9.014.131.808	4.003.501.857
Tài sản thừa chờ xử lý	12.447.448	41.354.000
Các khoản phải trả khác	74.849.023.045	202.336.482.840
- Các khoản thu hộ phải trả	9.894.446.307	11.459.382.371
- Tiền bán hàng cang biển phải trả ngân sách	-	1.716.241.909
- Công ty cổ phần cang Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	-	120.853.141.332
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cang quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Khoản phải trả của các công ty liên kết, hợp tác	8.870.578.421	9.405.713.304
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	26.328.932.117	30.464.744.628
- Các khoản phải trả khác	20.490.387.623	19.172.580.719
Cộng	202.265.633.043	218.017.279.777

31. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	11.054.371.008
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.483.090.219
Chi quỹ	(9.112.612.682)
Trình bày lại số dư đầu năm	(2.177.618.427)
Số cuối kỳ	8.247.230.118

33. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

34. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept ^(*)	677.118.857.144	453.888.742.858
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	206.000.000.000	216.000.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	68.896.629.253	82.061.961.516
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	4.512.477.843	7.678.333.843
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	59.521.824.980	-
Cộng	<u>1.016.049.789.220</u>	<u>759.629.038.217</u>

^(*) Trong đó bao gồm khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

- Hạn mức vay : USD 40.000.000
- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bắt kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty cổ phần Gemadept.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : + Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
+ Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
+ Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
+ Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty cổ phần Gemadept trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Ngoài các tài sản thế chấp nêu trên, khoản vay của Công ty cổ phần Gemadept còn được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Tàu Bunga Mas Tujuh;
- Quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các dự án đầu tư, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất trả tiền hàng năm thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh vay và nợ dài hạn:

	Kỳ này	Kỳ trước
Từ 01 năm trở xuống	104.623.881.481	103.510.742.770
Trên 01 năm đến 05 năm	1.016.049.789.220	649.793.167.567
Trên 05 năm	-	-
Số dư cuối kỳ	1.120.673.670.701	753.303.910.337

Chi tiết phát sinh vay và nợ dài hạn:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	759.629.038.217	686.211.353.562
Số phát sinh vay trong kỳ	302.908.224.980	7.159.036.450
Số đã trả trong kỳ	-	(7.557.045.000)
Số kết chuyển	(50.619.874.859)	(10.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	4.132.400.882	(26.020.177.445)
Số dư cuối kỳ	1.016.049.789.220	649.793.167.567

35. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	29.557.646.064
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.147.734.968)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính các công ty con ở nước ngoài	(697.914.302)
Số cuối kỳ	26.711.996.794

36. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	254.629.061.612	257.536.706.662
Doanh thu chưa thực hiện	26.845.112.623	24.069.462.922
Cộng	281.474.174.235	281.606.169.584

37. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong kỳ Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động cho các năm 2010, 2011 và 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HĐCD2006 ngày 15 tháng 5 năm 2006 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02- 2010/GMD - HĐCD2010 ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Gemadept đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 49.743.600.000 VND tương đương với 4.974.360 cổ phiếu. Hiện Công ty cổ phần Gemadept vẫn đang tiến hành các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Trả cổ tức tại Công ty cổ phần Gemadept	-	65.074.274.000
Trả cổ tức tại các công ty con	8.536.377.220	3.085.632.005
Cộng	8.536.377.220	68.159.906.005

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	114.421.669	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	114.421.669	109.447.309
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>114.421.669</i>	<i>109.447.309</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	114.421.669	109.447.309
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>114.421.669</i>	<i>109.447.309</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

38. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	237.967.811.000	228.937.538.020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	6.330.355.130	5.861.699.119
Tăng do hợp nhất kinh doanh	181.443.011.998	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(6.359.873.722)	(13.534.019)
Giảm vốn	(3.743.651.754)	-
Giảm khác	863.901.724	-
Số cuối kỳ	<u>416.501.554.376</u>	<u>234.785.703.120</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.175.606.951.599	1.287.081.346.911
- <i>Doanh thu hoạt động khai thác cảng và logistics</i>	<i>1.132.630.404.814</i>	<i>1.245.779.841.627</i>
- <i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	<i>42.976.546.785</i>	<i>41.301.505.284</i>
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	(949.306.974)	(1.391.758.198)
Doanh thu thuần	<u>1.174.657.644.625</u>	<u>1.285.689.588.713</u>
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần hoạt động khai thác cảng và logistics</i>	<i>1.131.681.097.840</i>	<i>1.244.388.083.429</i>
- <i>Doanh thu thuần cho thuê văn phòng</i>	<i>42.976.546.785</i>	<i>41.301.505.284</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng và logistics	972.341.818.703	1.062.525.449.652
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	14.756.628.471	13.417.956.867
Cộng	987.098.447.174	1.075.943.406.519

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi trái phiếu, kỳ quỹ ngân hàng	-	59.876.238
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	524.341.570	580.086.598
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	875.606.635	15.000.611.582
Lãi đầu tư chứng khoán, cổ tức, lợi nhuận được chia	8.835.361.793	22.955.501.160
Lãi tiền cho vay	3.548.129.884	986.381.984
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.336.459.613	12.095.893.719
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.632.431.226	4.162.645.335
Lãi thanh lý, chuyển nhượng góp vốn	162.975.597.802	7.591.459.000
Lãi do thanh toán	213.477.052	243.541.349
Doanh thu hoạt động tài chính khác	394.146.714	1.124.617.216
Cộng	181.335.552.289	64.800.614.181

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	59.925.028.941	78.487.887.826
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.680.151.695	1.196.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.775.715.516	10.845.333.865
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	100.305.160.976
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	15.666.927.574	(86.869.373.754)
Chi phí tài chính khác	614.420.050	17.975.638
Cộng	101.662.243.776	102.788.181.206

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	11.688.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.015.716	2.361.749.322
Chi phí khác	10.898.091.147	6.071.430.522
Cộng	11.171.106.863	8.444.867.948

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	51.657.316.383	46.969.773.803
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.970.620.185	1.097.323.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.750.994.983	4.749.236.020
Chi phí dự phòng	(2.597.515.915)	11.651.619.899
Phân bổ lợi thế thương mại	19.869.685.017	16.696.575.610
Thuế, phí và lệ phí	1.438.421.909	22.730.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.885.283.933	25.378.247.957
Chi phí khác	8.008.430.139	21.417.186.120
Cộng	109.983.236.634	127.982.693.148

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.070.433.576	125.252.082.173
Doanh thu chưa thực hiện phân bổ ^(*)	2.035.351.536	2.907.645.051
Thu nhập khác	3.427.660.010	2.533.196.556
Cộng	17.533.445.122	130.692.923.780

(*) Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong năm tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.489.699.449	95.707.873.807
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.216.670	12.876.352.408
Chi phí dự án khu công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-
Chi phí khác	4.751.618.821	3.926.207.983
Cộng	9.901.979.113	112.510.434.198

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	224.341.495	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.147.734.968)	-
Cộng	(1.923.393.473)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	138.932.248.209	33.098.576.494
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	138.932.248.209	33.098.576.494
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	112.012.976	109.447.309
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.240	302

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	109.447.309	109.447.309
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	2.565.667	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	112.012.976	109.447.309

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	171.641.040.031	247.460.973.782
Chi phí nhân công	103.598.924.529	98.228.349.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	122.051.786.244	119.947.922.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.955.726.564	668.441.519.653
Chi phí khác	32.501.250.350	78.292.201.743
Cộng	1.110.748.727.718	1.212.370.967.614

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2012, Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link đã chấm dứt trước hạn hợp đồng xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2010 với nhà thầu là Công ty Daelim-Samwhant Joint Venture do kéo dài giai đoạn chờ lún tự nhiên. Tuy nhiên, các khoản phải trả sau cùng cho nhà thầu để chấm dứt hợp đồng phụ thuộc vào cuộc thương lượng đang diễn ra giữa hai bên.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Gemadept và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Gemadept – Công ty mẹ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.628.296.000	1.400.398.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	92.610.000	68.475.000
Tiền thưởng	234.800.000	234.800.000
Phụ cấp	-	24.000.000
Cộng	1.955.706.000	1.727.673.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Góp vốn đầu tư	1.029.000.000	-
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Lợi nhuận được chia	1.735.560.000	1.735.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.284.304.512	-
Chi phí dịch vụ	12.096.000	-
Chuyển tiền góp vốn	5.110.700.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.479.549.578	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	1.701.545.455	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam		
Doanh thu dịch vụ	7.354.987.135	-
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	280.952.320
Chi phí dịch vụ	191.485.956	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu thuê vận phòng	480.983.213	1.371.152.926
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn đầu tư	995.367.500	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty liên quan đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và VI Fund II, L.P (xem thuyết minh số V.24 và V.34)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	-	1.155.911.159
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải thu khách hàng	1.804.300.468	-
Cổ tức phải thu	2.479.549.578	-
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	3.402.610.298	534.143.500
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Phải thu khách hàng	12.800.102	14.065.788
Cộng nợ phải thu	7.999.260.446	2.004.120.447
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải trả người bán	11.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Phải trả người bán	323.600.000	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn</i>		
Phải trả người bán	1.648.500	-
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link</i>		
Mượn tiền	-	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	227.192.810.936	103.086.206.944
Công nợ phải trả	227.529.059.436	223.939.348.276

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Tập đoàn cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài (các nước Đông Nam Á).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	998.126.416.249	1.073.538.586.736
Nước ngoài	176.531.228.376	212.151.001.977
Cộng	1.174.657.644.625	1.285.689.588.713

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Trong nước	187.164.349.967	29.078.874.745	5.988.310.735.813
Nước ngoài	349.790.105.621	504.665.073.401	1.542.184.715.087	1.311.377.191.868
Cộng	536.954.455.588	533.743.948.146	7.530.495.450.900	6.586.238.607.277

4. Thuế hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuế hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	40.747.463.815	69.186.592.547
Trên 01 năm đến 05 năm	116.919.365.478	56.082.673.424
Cộng	157.666.829.293	125.269.265.971

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Kế toán, Phòng Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng và các Công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các Công ty bên ngoài vay tiền. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý, các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia và các khoản góp vốn hợp tác thực hiện các dự án. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	679.402.208.245	-	-	-	679.402.208.245
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.369.835.337	-	-	-	2.369.835.337
Phải thu khách hàng	329.083.286.195	11.000.000.000	-	6.038.116.277	346.121.402.472
Các khoản cho vay	37.800.000.000	-	-	-	37.800.000.000
Các khoản phải thu khác	563.161.497.588	-	-	-	563.161.497.588
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.164.911.094	-	-	833.531.899.330	933.696.810.424
Cộng	1.711.981.738.459	11.000.000.000	-	839.570.015.607	2.562.551.754.066
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	545.259.172.382	-	-	-	545.259.172.382
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	436.224.269	-	-	-	436.224.269
Phải thu khách hàng	281.230.633.696	11.000.000.000	-	3.440.600.362	295.671.234.058
Các khoản cho vay	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	864.544.871.328	-	-	-	864.544.871.328
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	88.275.911.094	-	-	849.407.899.330	937.683.810.424
Cộng	1.779.746.812.769	11.000.000.000	-	852.848.499.692	2.643.595.312.462

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	531.149.904.598	1.016.049.789.220	-	1.547.199.693.818
Phải trả người bán	434.215.062.114	-	-	434.215.062.114
Các khoản phải trả khác	293.399.185.742	-	-	293.399.185.742
Cộng	1.258.764.152.454	1.016.049.789.220	-	2.274.813.941.674
Số đầu năm				
Vay và nợ	502.369.575.807	663.629.038.217	96.000.000.000	1.261.998.614.024
Phải trả người bán	255.834.078.052	-	-	255.834.078.052
Các khoản phải trả khác	259.416.013.724	21.145.684.163	-	280.561.697.887
Cộng	1.017.619.667.583	684.774.722.380	96.000.000.000	1.798.394.389.963

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY, GBP và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 11.537.326.579 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 8.449.766.699 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, SGD, MYR, GBP, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ phải trả thuần của các ngoại tệ này có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền			19.806.400.000	1.303.496,21
Vay và nợ	(630.005.821.884)	(8.664.827,48)	(283.396.114.133)	(670.654,40)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(630.005.821.884)	(8.664.827,48)	(263.589.714.133)	632.841,81

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.450.087.328 VND.

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất của các khoản vay USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán ngắn hạn Tập đoàn đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng 3.176.383.065 VND và nếu giá các chứng khoán ngắn hạn Tập đoàn đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm 2.931.251.865 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán dài hạn Tập đoàn đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng 4.819.463.739 VND và nếu giá các chứng khoán dài hạn Tập đoàn đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm 4.215.452.049 VND.

Rủi ro về giá nhiên liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản tiền và tương đương tiền	400.000.000	400.000.000
Phải thu khách hàng	23.000.000.000	23.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	118.810.760.760
Cộng	23.400.000.000	142.210.760.760

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	679.402.208.245	-	545.259.172.385	-	679.402.208.245	545.259.172.383
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.369.835.337	-	436.224.269	-	2.369.835.337	436.224.269
Phải thu khách hàng	346.121.402.472	(13.523.541.293)	295.671.234.038	(16.121.057.208)	332.597.861.179	279.550.176.850
Các khoản cho vay	37.800.000.000	-	-	-	37.800.000.000	-
Các khoản phải thu khác	563.161.497.588	-	864.544.871.338	-	563.161.497.588	864.544.871.328
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	933.696.810.424	(167.393.103.074)	937.683.810.424	(151.726.175.500)	766.303.707.350	785.957.634.924
Cộng	2.562.551.754.066	(180.916.644.367)	2.643.595.312.462	(167.847.232.708)	2.381.635.109.699	2.475.748.079.754

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.547.199.693.818	1.251.413.627.937	1.547.199.693.818
Phải trả người bán	434.215.062.114	255.834.078.052	434.215.062.114	255.834.078.052
Các khoản phải trả khác	293.399.185.742	291.146.683.974	293.399.185.742	291.146.683.974
Cộng	2.274.813.941.674	1.798.394.389.963	2.274.813.941.674	1.798.394.389.963

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

5/15
TY
KHU
VA TU
C
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Trí Kế, Tổ 6, phường Đức Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 ĐA O CAO TÀI CHẾ BIẾN VÀ XỬ LÝ NHỰA TỰ CỐ A-SHEN (ĐC)
 6 tháng đầu tiên năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 Phụ lục 01: Bảng phân bổ sản phẩm kinh doanh

	Đơn vị tính: VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Màu nước và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thuế bị đóng góp (quản lý)	Tài sản cố định hữu hình khác	Hết sản sinh học	Công
Nguyên giá							
Sử dụng hết	491.434.339.683	346.196.745.329	1.784.425.883.288	35.821.640.958	36.771.473.895	108.618.082.484	2.833.228.491.625
Đang trong kỳ	76.252.002.850	1.557.858.907	12.802.142.552	340.180.866	-	-	91.392.204.878
Đã hết năm trước	2.566.236.689	1.393.269.469	61.967.627.478	272.616.036	-	-	12.295.265.662
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	36.289.056.682	539.499.467	3.456.273.000	33.699.886	-	-	39.537.547.660
Tặng cho người khác (tài trợ)	34.292.227.272	26.198.629	21.000.894	236.729.744	-	-	125.869.221.400
Tặng cho người khác (tài trợ)	82.633.280	78.939.090	78.939.090	9.825.192	-	-	262.368.696
Giá trị gốc	12.538.510.520	68.465.025.345	122.946.012.109	21.460.144.616	135.358.190.075	1.038.618.683.845	1.178.495.654.982
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	-	46.292.658.242	16.792.823.699	1.941.278.359	-	-	63.236.449.861
Tặng cho người khác (tài trợ)	-	1.333.609.364	-	12.511.831.769	-	-	13.845.441.133
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	1.990.147.130	17.900.442	144.133.139.199	1.857.694.790	633.229.096.354	616.818.682.696	1.237.492.326
Tặng cho người khác (tài trợ)	12.678.369.239	-	-	-	123.089.749	-	123.089.749
Giá trị gốc	565.107.832.183	381.269.578.485	1.774.342.035.511	24.109.003.311	1.453.293.591	-	2.746.214.741.521
Đang sử dụng							
Sử dụng hết	3.193.680.482	29.823.340.276	172.769.750.632	11.972.913.814	-	-	263.761.661.204
Giá trị hiện hành							
Số đầu năm	95.044.469.518	106.850.188.711	764.206.992.463	21.459.208.138	10.120.508.397	-	1.087.729.438.531
Tăng trong kỳ	24.355.493.647	14.298.556.174	83.271.650.306	612.592.768	78.868.385	-	104.213.057.693
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	12.204.827.283	13.267.746.496	63.329.686.266	1.522.307.653	18.968.392	-	54.291.694.897
Tặng cho người khác (tài trợ)	12.144.727.266	436.665.222	146.230.729	95.824.957	-	-	9.993.949.236
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	3.929.768	8.262.456	12.246.764	2.388.169	-	-	29.379.088
Tặng cho người khác (tài trợ)	3.671.668.818	3.921.458.814	95.982.888	-	-	-	31.993.888
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	-	15.776.761.291	12.072.315.886	12.018.317.724	69.634.766.853	-	130.013.968.099
Tặng cho người khác (tài trợ)	-	1142.990.953	17.929.876.661	63.812.009	-	-	62.749.449.922
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	12.24.779.382	-	-	1.044.532.752	1.044.532.752	-	1.044.532.752
Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn	1271.928.266	67.396.549	16.142.479.226	1.316.992.967	166.427.264	-	19.493.068.259
Giá trị gốc	119.032.251.247	205.375.686.074	815.906.526.828	21.083.383.382	505.011.935	-	1.161.932.559.987
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	396.349.879.167	189.298.536.511	1.030.218.690.883	4.382.298.660	26.610.965.458	108.618.082.484	1.745.466.333.234
Tăng trong kỳ	440.075.580.436	175.913.892.411	958.435.706.902	3.048.719.949	808.281.856	-	1.584.282.181.554
Tặng cho người khác (tài trợ)	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	2.318.908.691	-	-	-	-	-	2.318.908.691

Ngày 22 tháng 8 năm 2013



Nguyễn Xuân Nguyễn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Nguyễn
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường 13 Thành Tô, phường Bắc Ngạn, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA SIÊU A SIÊU ĐỎ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phiên bản 02 - Chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Có phí phát sinh trong kỳ	Phản loại trình bày	Tăng giảm	Tăng do chuyển loại từ kỳ trước	Kiểm soát của ISC (P trong kỳ)	Giảm khác	Đơn vị tính VND
								Số cuối kỳ
• Mua sắm TSC Đ	40.983.615,601	121.391.168,734				103.441.360		162.289.342,975
• XĐR B dở dang	102.065.874,450	307.112.027,475	108.618.082,484	211.263.967,454		(39.258.340.249)	(3.658.444,173)	687.745.881,433
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các dự án dở dang	2.054.479,091	-	-	-	-	-	(3.658.444,173)	2.054.479,091
- Chi phí đầu tư xây dựng công trình tại Campuchia	3.638.444,173	-	-	-	-	-	-	1.051.242,532
- Công trình xây dựng khác	1.611.331,532	-	-	-	-	-	-	2.774.755,139
- Công trình xây dựng khác	2.774.755,129	-	-	-	-	-	-	2.697.365,684
- Công trình xây dựng khác	2.657.202,684	-	-	-	-	-	-	938.196,104
- Công trình xây dựng khác	938.196,104	-	-	-	-	-	-	37.865.085,838
- Công trình xây dựng khác	45.026.269,927	6.228.816,798	-	-	-	-	-	51.255.086,725
- Công trình xây dựng khác	33.588.494,618	3.626.254,742	-	417.156,152	-	-	-	37.014.749,467
- Công trình xây dựng khác	8.275.562,822	17.913.748,387	168.618.687,484	210.846.816,701				215.189.911,969
- Công trình xây dựng khác	-	42.142.896,628	-	-	-	(43.683.913)	-	42.142.896,628
- Công trình xây dựng khác	69.982,503	-	-	-	-	-	-	69.982,503
- Công trình xây dựng khác	1.169.987,633	-	-	-	-	-	-	1.169.987,633
Cộng	142.967.490,051	428.503.196,209	108.618.082,484	211.263.967,454	1.662.713,992	(39.321.791,609)	(3.658.444,173)	850.035.224,408



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 4 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 ĐĂNG KÝ TẠI CHỖ: 1829 NHẬT KIỆT 5, MỄNH ĐỐC

9 tháng chạp của năm tại thời điểm kết thúc ngày 11 tháng 12 năm 2013
 Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu.

	Đơn vị: VND									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Thành tích tự giá hồi đầu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	1.145.707.453	4.431.710.558	29.429.404.912	29.202.972.352	565.690.867.991	4.203.695.458.569	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	103.749.877.743	103.749.877.743	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chưa có lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Bảo toàn tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	21.583.132.555	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	22.725.136.908	4.511.710.558	29.429.404.912	32.384.254.626	666.735.460.345	4.393.531.507.652	
Số dư đầu năm nay	1.194.473.090.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	22.225.456.908	4.511.710.558	79.479.404.912	32.380.250.626	666.735.460.345	4.393.531.507.652	
Tổng vốn trong kỳ	49.743.000.000	-	-	-	-	-	-	-	49.743.000.000	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	138.932.248.209	138.932.248.209	
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chưa có lợi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Bảo toàn tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	10.196.848.714	-	-	-	-	10.196.848.714	
Chưa phân	-	-	-	-	-	-	-	18.507.925.650	18.507.925.650	
Số dư cuối kỳ	1.144.216.090.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	32.922.185.623	4.511.710.558	34.616.898.799	36.071.748.512	669.037.495.911	4.464.648.979.706	

(Signature)
 Trương Như Nguyệt
 Người lập báo

(Signature)
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Trị, phường Sơn Khê, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GICIA NĂM 2013

6 tháng đầu năm đến từ chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục B4: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực Khách thực Công	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cây	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng	Đơn vị: triệu VNĐ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và bên ngoài	329.260.571.797	802.420.524.043	42.976.546.785	-	-	-	1.174.857.644.625	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	139.767.819.667	118.320.631.616	557.559.156	-	-	(245.646.030.439)	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.028.391.464	920.741.155.659	43.534.105.941	-	-	(245.646.030.439)	1.174.657.644.625	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.445.149.809	16.449.055.097	23.327.296.277	(6.554.476.127)	-	-	83.677.023.056	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(17.273.169.102)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58.445.149.809	16.449.055.097	23.327.296.277	(6.554.476.127)	-	-	66.404.859.934	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	181.333.552.289	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(101.662.243.776)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	13.533.458.122	
Chi phí khác	-	-	-	-	5.36.796.395	-	(9.903.979.113)	
Phần dư trước thuế thu nhập doanh nghiệp trước thuế	58.445.149.809	16.449.055.097	23.327.296.277	(6.554.476.127)	5.36.796.395	-	(766.349.547)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(6.886.023.028)	4.392.539.825	1.368.037.260	-	-	-	19.873.769.063	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.559.126.781	20.841.594.922	24.695.333.537	(6.554.476.127)	5.36.796.395	-	1.923.393.473	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(78.071.504.382)	76.478.513.021	-	150.404.438.164	-	-	536.954.453.588	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	35.417.426.272	63.297.530.004	5.946.058.092	1.751.956.922	-	-	106.412.969.240	
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam;
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT LỢI NIÊN 2013

5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực hoạt động Khai thác Công	Lĩnh vực hoạt động Logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực nông nghiệp	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước							
Doanh thu, thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	384.438.233,251	859.960.850,178	41.301.805,284	-	-	-	1.285.689.888,713
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ phân bổ nội bộ	95.439.415,294	197.750.124,914	-	-	(293.180.440,208)	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	479.878.548,545	1.057.719.975,092	41.301.805,284		(293.180.440,208)		1.285.689.888,713
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	113.499.001,554	68.365.632,721	27.883.538,417	-	-	-	209.746.182,194
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(138.427,561,096)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	71.318,621,099
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	64.800,614,181
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(102.788,181,206)
Tax nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	130.692,931,780
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(112.510,434,198)
Tax nhập khẩu	-	-	-	-	2.140.100,000	-	13.318,596,597
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.960.306,397	-	-	-	-	(22.871.764,639)
							38.960.275,613
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	17.841.219,426	10.819.014,906	593.690,958	504.490,031,856	-	-	511.744,948,146
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	54.713,906,428	68.990,013,063	10.029,070,254	506,466	-	-	122.744,496,208
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Đường Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
HÀNG CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Phụ lục 04: Thông tin bổ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực hoạt động				Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trống cao su	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng	Đơn vị tính: VND
	Hoạt động Khai thác Công	Hoạt động logistics	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động trống cao su						
Số cuối kỳ										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.708.545.651.921	2.391.011.380.071	300.060.991.532	1.015.561.906.149	-	-	-	-	6.515.185.929.673	
Các tài sản không phải bổ theo bộ phận									1.019.026.872.592	
Tổng tài sản									7.534.212.802.266	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	206.245.041.682	1.535.414.642.532	21.748.602.212	158.273.362.764	-	-	-	-	1.921.681.649.190	
Nợ phải trả không phải bổ theo bộ phận									731.380.618.994	
Tổng nợ phải trả									2.653.062.268.184	
Số đầu năm										
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.162.265.665.682	1.867.178.085.216	267.462.354.330	1.001.106.083.051	-	-	-	-	4.297.962.188.279	
Các tài sản không phải bổ theo bộ phận									2.524.440.462.802	
Tổng tài sản									6.822.402.651.081	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	405.112.419.502	1.377.128.778.700	22.910.656.164	114.815.466.181	-	-	-	-	1.919.967.320.547	
Nợ phải trả không phải bổ theo bộ phận									270.336.011.883	
Tổng nợ phải trả									2.190.903.332.430	

Nguyễn Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 16 Lê Duẩn, Tòa phụng thờ Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BAO CẢ SỐ TÀI CHỨNG KHOÁN: CCMIS.A, NGEN.200
 Mã chứng khoán niêm yết: CCMIS.A, NGEN.200
 Mã báo cáo: Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật Việt Nam (2 tháng 2017)

Tên đơn vị/Đơn vị phát hành có giá trị ngoại tệ: Công Ty Cổ Phần Gemadept

	Số đồng Việt Nam										Số đồng khác									
	USD	EUR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD	USD	EUR	MYR	SGD	MYR	GBP	JPY	HKD					
Tổng tài sản không phân bổ	6.020.933,94	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26				5.282.293,23	3.409,75	3.962,01	3.962,01	2.014.831,16								
Tổng chi phí không phân bổ	2.078,13							20.963,25												
Tổng tài sản phân bổ	3.942.855,81	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26			5.261.330,00	3.409,75	3.409,75	3.962,01	2.014.831,16									
Tổng nợ ngắn hạn	9.298.970,00							54.649.000,00			85.000,00	845.807,79								
Tổng nợ dài hạn	43.413,00						28.546,90	15.917.693,49	10.744,00	4.208,57	7.032.960,00									
Tổng nợ	9.342.383,00						54.677,60	70.566,69	10.754,00	89.208,57	913.767,79									
Tổng tài sản trừ nợ	2.600.472,81	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26			49.110,31	1.044,06	3.355,75	3.773,44	1.101.063,37									
Tổng tài sản phân bổ trừ nợ	2.600.472,81	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26			49.110,31	1.044,06	3.355,75	3.773,44	1.101.063,37									
Tổng tài sản phân bổ trừ nợ ngoại tệ	2.600.472,81	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26			49.110,31	1.044,06	3.355,75	3.773,44	1.101.063,37									
Tổng tài sản phân bổ trừ nợ ngoại tệ (tổng)	2.600.472,81	2.794,89	91.661,78	1.06.833,26			49.110,31	1.044,06	3.355,75	3.773,44	1.101.063,37									

[Signature]
 Nguyễn Minh Xuân
 Kế Toán trưởng

[Signature]
 Nguyễn Minh Xuân
 Kế Toán trưởng

